

PHẦN A : KHÁI QUÁT NỀN KINH TẾ - XÃ HỘI THẾ GIỚI

Bài 1

SỰ TƯƠNG PHẢN VỀ TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI CỦA CÁC NHÓM NƯỚC. CUỘC CÁCH MẠNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC :

- Trình bày được sự tương phản về trình độ phát triển KTXH của các nhóm nước và vùng lãnh thổ CN mới
 - Trình bày được đặc điểm nổi bật của cuộc CMKH và CN hiện đại, tác động của tới sự phát triển kinh tế xã hội của các nhóm nước..
 - Sử dụng bản đồ để xác định sự phân bố các nhóm nước, phân tích được bảng số liệu về KTXH của các nhóm nước
 - Thu thập được tư liệu về KTXH của một số nước từ nguồn khác nhau
1. Phẩm chất chủ yếu: Yêu nước, chăm chỉ, trách nhiệm đóng góp vào sự phát triển kinh tế xã hội của đất nước.
 2. Năng lực chung: tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác
 3. Năng lực địa lý: nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức, kỹ năng

	Nội dung chính
<p>- Dựa vào hình 1, nhận xét sự phân bố các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới theo mức GDP bình quân đầu người(\$/ng)</p> <p>- Hiểu thế nào về khái niệm : GDP/ ng; FDI, HDI.</p>	<p>1. Sự phân chia thành các nhóm nước :</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên thế giới có hơn 200 quốc gia và vùng lãnh thổ và được chia làm 2 nhóm nước: <i>Phát triển và đang phát triển</i> - Các nước phát triển có GDP /đầu người và FDI; HDI cao... - Các nước đang phát triển ngược lại. - Nước công nghiệp mới (NIC): nước đạt được trình độ phát triển nhất định về công nghiệp <p>2. Sự tương phản về trình độ phát triển kinh tế – xã hội</p>
<p>Dựa vào bảng 1.1, nhận xét sự chênh lệch về</p>	

GDP BQĐN giữa các nước phát triển và đang phát triển ?

Dựa vào bảng 1.2, nhận xét cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế của các nhóm nước năm 2004 ?

:Dựa vào bảng 1.3 kết hợp thông tin ở SGK, nhận xét sự khác biệt về chỉ số HDI và tuổi thọ TB giữa nhóm nước phát triển và nhóm nước đang phát triển ?

HS đưa ra những giải pháp khắc phục việc dân số đông và tăng nhanh ở các nước đang phát triển?

. *Nêu khái niệm công nghệ cao đồng thời cho h/s thấy vai trò của công nghệ trụ cột*

Bằng hiểu biết của bản thân hãy:

- Nêu một số thành tựu do 4 công nghệ trụ cột tạo ra ?

- Hãy chứng minh cuộc CMKH và công nghệ hiện đại đã làm xuất hiện nhiều ngành mới.

- Hiểu gì về nền kinh tế tri thức ?

HS thấy được sự xuất hiện nhiều ngành mới đã góp phần giải quyết việc làm cho dân cư lao động như thế nào ...

- Dân số các nước phát triển chỉ chiếm khoảng 1/5 DS thế giới, nhưng tỉ trọng GDP chiếm gần 4/5 GDP thế giới

- Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế

Nhóm	Cơ cấu GDP phân theo khu vực kinh tế		
	KVI	KVII	KVII
Phát triển	2.0	27.0	71.0
Đang PT	25.0	32.0	43.0

- Sự chênh lệch về chất lượng cuộc được thể hiện ở: Tuổi thọ TB; chỉ số HDI. Năm 2005 tuổi thọ BQ của nhóm nước phát triển là 76 tuổi, nhóm các nước đang phát triển 65 tuổi. Các nước Đông và Tây Phi BQ chỉ 47 tuổi. (2004)

3. Cuộc CM khoa học và công nghệ hiện đại

+ Thời gian:

- Xuất hiện vào cuối thế kỉ XX

+ Đặc trưng:

- Xuất hiện và bùng nổ công nghệ cao

- Bốn công nghệ trụ cột :

Sinh học; Vật liệu; Năng lượng; Thông tin

+ Ảnh hưởng

- Xuất hiện nhiều ngành mới, đặc biệt trong công nghệ và dịch vụ

- Nền kinh tế tri thức : Nền kinh tế dựa trên tri thức, kĩ thuật, công nghệ cao.

Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Sự phân chia thế giới thành các nhóm nước nói lên tình trạng chủ yếu nào sau đây

- a. Thế giới có nhiều quốc gia, dân tộc và tôn giáo
- b. Sự tương phản về trình độ phát triển giữa các nhóm nước
- c. Sự khác nhau về chế độ chính trị - xã hội giữa các nước
- c. Hậu quả kéo dài của chiến tranh lạnh

Câu 2. Các nước đang phát triển hiện nay chủ yếu nằm ở

- a. Bắc bán cầu
- b. Nam bán cầu.
- c. Tây bán cầu
- d. Đông bán cầu

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây **không phải** của các nước phát triển

- a. Tổng sản phẩm trong nước lớn
- b. Chỉ số phát triển con người cao
- c. Có vai trò chi phối các tổ chức kinh tế thế giới
- d. Cơ cấu kinh tế chủ yếu là nông - công nghiệp

Câu 4. Sự ra đời của nền kinh tế tri thức là biểu hiện của sự phát triển

- a. Khoa học công nghệ
- b. Tài nguyên thiên nhiên
- c. Tài chính ngân hàng
- d. Thị trường tiêu thụ

Đáp án. Câu 1.

Câu 2.

Câu 3.

Câu 4.

Trường THPT Y Jút - Môn Địa lí - Lớp 11

Tiết PPCT 2.

Tuần dạy 2.

Bài 2 : XU HƯỚNG TOÀN CẦU HOÁ, KHU VỰC HOÁ

I. MỤC TIÊU :

- Trình bày được các biểu hiện, hệ quả xu hướng toàn cầu hoá kinh tế, phân tích ảnh hưởng của toàn cầu hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới
 - Trình bày được các biểu hiện, hệ quả xu hướng khu vực hoá kinh tế, phân tích ảnh hưởng của khu vực hoá kinh tế đối với các nước trên thế giới
 - Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hiệp quốc (UN), quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tổ chức thương mại thế giới (WTO), diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á TBD (APEC)
 - Sưu tầm hệ thống hoá được các tư liệu, số liệu về toàn cầu hoá, khu vực hoá
 - Trao đổi thảo luận được về cơ hội và thách thức của toàn cầu hoá, khu vực hoá đối với các nước đang phát triển
1. *Phẩm chất chủ yếu:* Yêu nước, trách nhiệm nhận thức được tính tất yếu của Toàn cầu hóa, khu vực hóa. Từ đó xác định trách nhiệm của bản thân trong sự đóng góp vào việc thực hiện các nhiệm vụ KTXH tại địa phương.
 2. *Năng lực chung:* tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo, giao tiếp và hợp tác
 3. *Năng lực địa lý:* nhận thức khoa học địa lí, tìm hiểu địa lí, vận dụng kiến thức, kỹ năng

- Nguyên nhân của toàn cầu hoá kinh tế ?
- Nêu các biểu hiện rõ nét của toàn cầu hoá kinh tế ?

- Đối với các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam toàn cầu hoá kinh tế có những thuận lợi và thách thức gì ?

Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế dẫn đến những hệ quả gì ?

- Trình bày được một số tổ chức khu vực và quốc tế: Liên hiệp quốc (UN), quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), tổ chức thương mại thế giới (WTO), diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á TBD (APEC)

Nguyên nhân hình thành các tổ chức liên kết kinh khu vực. Cho ví dụ

Dựa vào GSK và sự hiểu biết để hoàn thành nội dung bảng sau:

Các tổ chức có dân số đông từ cao nhất đến thấp nhất	APEC, ASEAN, EU, NAFTA, MERCOSUR
T/c có GDP từ cao nhất đến thấp nhất	
T/c có số thành viên lớn nhất	
T/c có số thành viên ít nhất	
T/c có số dân đông nhất	
T/c được thành lập sớm nhất	
và muộn nhất	

I. Xu hướng toàn cầu hoá kinh tế :

**Khai niệm* : Quá trình liên kết các quốc gia trên thế giới ở nhiều lĩnh vực, trong đó có lĩnh vực kinh tế

1. Biểu hiện:

- Thương mại thế giới phát triển mạnh
- Đầu tư nước ngoài phát triển nhanh
- Thị trường tài chính quốc tế mở rộng
- Các công ti xuyên quốc gia có vai trò ngày càng lớn

2. Hệ quả :

- Thúc đẩy SX phát triển và tăng trưởng kinh tế toàn cầu
- Đẩy mạnh đầu tư khai thác triệt để KHCN, tăng cường hợp tác quốc tế.
- Làm gia tăng nhanh chóng khoảng cách giàu nghèo trong từng quốc gia và giữa các nước

II. Xu hướng khu vực hoá kinh tế :

1. Các tổ chức liên kết khu vực:

a. Nguyên nhân hình thành

Do sự phát triển không đều và sức ép cạnh tranh trong KV và trên TG, các quốc gia có những nét tương đồng đã liên kết lại với nhau

b. Đặc điểm một số tổ chức liên kết kinh tế khu vực

Các tổ chức có dân số đông từ cao nhất đến thấp nhất	APEC, ASEAN, EU, NAFTA, MERCOSUR
T/c có GDP từ cao nhất đến thấp nhất	APEC, NAFTA, EU, ASEAN, MERCOSUR
T/c có số thành viên lớn nhất	EU
T/c có số thành viên ít nhất	NAFTA
T/c có số dân đông nhất	APEC
T/c được thành lập sớm nhất	EU
và muộn nhất	NAFTA
T/c có GDP cao nhất & DS đông nhất	AFEC

Bài tập: Trả lời câu hỏi cuối bài học

Câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1. Đầu tư nước ngoài trên thế giới hiện nay tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

- a. Công nghiệp
- b. Nông nghiệp
- c. Dịch vụ
- d. Ngân hàng

Câu 2. Hậu quả lớn nhất của toàn cầu hoá kinh tế là

- a. Gia tăng khoảng cách giàu nghèo
- b. Tác động xấu đến môi trường và xã hội
- c. Làm ô nhiễm môi trường tự nhiên
- d. Làm tăng cường các hoạt động tội phạm

Câu 3. Đặc điểm nào sau đây không phải của các công ty xuyên quốc gia

- a. Phạm vi hoạt động rộng
- b. Nằm trong tay những của cải vật chất lớn
- c. Chi phối nhiều ngành kinh tế quan trọng
- d. Số lượng có xu hướng giảm

Câu 4. Tổ chức kinh tế khu vực có dân số đông nhất hiện nay

- a. ASEAN
- b. APEC
- c. EU
- d. NAFTA

Đáp án. Câu 1.

Câu 2.

Câu 3.

Câu 4.